

Số: /QĐ-VP

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc thành lập các đơn vị thuộc và trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Hành chính tổ chức - Quản trị tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Văn phòng UBND tỉnh công khai số liệu dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2025 theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính tổ chức - Quản trị tài vụ, Giám đốc Trung tâm Công báo - Tin học, Giám đốc Nhà khách tỉnh, Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/hiện);
- Sở Tài chính;
- LĐVP;
- TP HCTC-QTTV;
- CBCCNLĐ;
- Lưu VT, KT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Vũ Đức Chính

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Mã chương: 405

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Dự toán chi NSNN
	TỔNG CỘNG	31.718.000.000
I	Chi quản lý hành chính	26.092.000.000
*	Văn phòng UBND tỉnh (Mã ĐVQHNS 1130796):	26.092.000.000
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 341-13-200)	13.168.000.000
-	Quỹ lương	8.896.000.000
-	Chi thường xuyên theo định mức biên chế	1.720.000.000
-	Kinh phí chi trả cho hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (ngoài quỹ tiền lương hàng năm)	2.395.000.000
-	Chi thường xuyên theo định mức hợp đồng	157.000.000
2	Kinh phí chi khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (Khoản 341-18-200)	655.000.000
-	10% tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 biên chế	512.000.000
-	10% tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 hợp đồng	143.000.000
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 341-12-200)	12.269.000.000
-	Tổ chức các cuộc họp trong tỉnh với các đơn vị, địa phương; họp giao ban.	365.000.000
-	Xử lý công việc trên cơ sở hồ sơ tài liệu của cơ quan chủ đề án giải quyết công việc do Văn phòng UBND tỉnh trình: Chương trình, kế hoạch công tác và tình hình thực tế tại địa phương.	633.500.000
-	Họp và làm việc với lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, UBND huyện và các cơ quan liên quan để giải quyết công việc thường xuyên	83.500.000
-	Hoạt động kiểm tra, làm việc trực tiếp của Lãnh đạo UBND tỉnh tại các địa phương, cơ sở (Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh).	1.107.000.000
-	Giữ mối quan hệ thường xuyên với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan có liên quan của Trung ương, các đoàn đến thăm và làm việc với tỉnh.	3.465.000.000
-	Phối hợp chặt chẽ với Thường trực HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của kỳ họp HĐND, các báo cáo, đề án trình HĐND.	84.500.000
-	Dự kiến các cuộc họp do Chính phủ, Bộ, Ngành triệu tập, mời dự.	171.000.000
-	Xăng xe phục vụ Lãnh đạo UBND tỉnh thường xuyên đi kiểm tra, đôn đốc và tham dự các cuộc họp của UBND, các cuộc họp sơ kết, tổng kết của các sở ngành, các cơ quan đoàn thể, các huyện, thành phố.	247.500.000
-	Thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách, gia đình đặc biệt khó khăn trong các đợt công tác ở địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.	72.000.000
-	Sửa chữa thường xuyên xe ô tô, phí kiểm định, bảo hiểm....	242.000.000
-	Trực cơ quan theo quy định của Chính phủ(thêm giờ)	169.000.000
-	Đảm bảo hoạt động của Lãnh đạo UBND tỉnh (tiền điện, nước cơ quan)	85.000.000
-	Sửa chữa điều hòa, nhà cửa, máy photocopy, máy tính, máy in, đường điện, cấp thoát	169.000.000
-	Thuê mướn chăm sóc cây cảnh, cắt tỉa cây cổ thụ, mua mới cây, cải tạo khuôn viên cây cảnh	239.000.000
-	Sửa chữa lớn xe ô tô	140.000.000
-	Hoạt động của Ban tiếp Công dân tỉnh	190.000.000
-	Hoạt động Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh	540.000.000
-	Hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công	1.133.000.000
-	Chi phí phục vụ công tác văn thư, lưu trữ	296.000.000
-	Phục vụ Hội trường tỉnh Bắc Kạn	465.000.000
-	Kinh phí thẩm định thủ tục hành chính trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật	42.000.000

-	Tổ chức Đại hội đảng	72.000.000
-	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm ngày truyền thống Văn phòng	58.000.000
-	Kinh phí mua xe ô tô	1.600.000.000
-	Mua sắm trang thiết bị Hội trường tỉnh	500.000.000
-	Kinh phí nhiệm vụ tiểu ban phục vụ Đại hội Đảng tỉnh	100.000.000
II	Sự nghiệp kinh tế	1.862.000.000
*	Văn phòng UBND tỉnh (Mã ĐVQHNS 1130796)	1.070.000.000
1	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 314-12-200)	470.000.000
-	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn.	470.000.000
2	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 338-12-200)	600.000.000
-	Sửa chữa Hội trường tỉnh, nhà khách khu B	600.000.000
*	Nhà khách tỉnh (Mã ĐVQHNS 1100087)	792.000.000
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 322- 13-200)	662.000.000
-	Quỹ lương	395.480.000
-	Chi thường xuyên theo định mức	
-	Kinh phí chi trả cho hợp đồng lao động	266.520.000
2	Kinh phí chi khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (Khoản 322-18-200)	40.000.000
-	10% tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	40.000.000
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 338 -12-200)	90.000.000
-	Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa	54.000.000
-	Chăm sóc cây cảnh, cải tạo cảnh quan, khuôn viên Nhà khách	36.000.000
III	Sự nghiệp văn hóa thông tin	3.764.000.000
*	Trung tâm Công báo - Tin học (Mã ĐVQHNS 1119699):	3.764.000.000
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 171-13-200)	2.079.090.000
-	Quỹ lương	1.875.500.000
-	Chi thường xuyên theo định mức	
-	Kinh phí chi trả cho hợp đồng lao động	203.590.000
2	Kinh phí chi khen thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP (Khoản 171-18-200)	134.910.000
-	10% tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	134.910.000
3	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ (Khoản 171-12-200)	1.550.000.000
-	In ấn và phát hành công báo	245.000.000
-	Hoạt động công thông tin điện tử tỉnh	1.215.000.000
-	Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động công thông tin điện tử tỉnh	90.000.000

